TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trí Trung.

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lê Phú Qúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2023/QĐST-HPT ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoàng Y, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số B, Ngõ K, ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, chị Y là nguyên đơn trình bày:

Chị Y và anh T cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2018. Sống chung đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Chị Y và anh T đã không còn chung sống từ dầu năm 2021. Nay chị Y xác định tình cảm không còn, đời sống hôn nhân không đạt được, chị Y yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Khả H, sinh ngày 02/10/2019, hiện con đang sống với anh T từ khi vợ chồng xa nhau đến nay.

Nay chị Y để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối vơi anh T dù nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T1 đang sinh sống tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Y và anh T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên quá trình chung sống chị Y và anh T1 không tìm được tiếng nói chung. Khi có mâu thuẫn vợ chồng không tìm cách hàn gắn để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình lo cho các con. Mà khi có mâu thuẫn chị Y và anh T1 đã chọn cách sống riêng từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị Y xin ly hôn, Tòa án đã nhiều lần mời anh T1 để tạo điều kiện cho vợ chồng gặp nhau để tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T1 dù nhận được giấy mời của Tòa án nhưng đều không đến. Điều này chứng tỏ anh T1 không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị Y, không có mong muốn hàn gắn.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Khả H, sinh ngày 02/10/2019, hiện con đang sống với anh T1 từ khi vợ chồng xa nhau đến nay.

Nay chị Y để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi vợ chồng xa nhau, con chung do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 cũng không có ý kiến gì nên Tòa án giao con cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do anh T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hoàng Y. Chị Trần Thị Hoàng Y được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Văn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Khả H, sinh ngày 02/10/2019, hiện con đang sống với anh T.

Anh T1 không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Hoàng Y tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016627 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã Đ (biết);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kiều Tiên